

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/12/2025

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Tâm, bà Hồ Hồng Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Bích - Thư ký TAND khu vực 3 - Hà Tĩnh.

- Đại diện VKSND khu vực 3 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Na - Kiểm sát viên.

Ngày 19/12/2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 44/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2025 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QĐ-ST ngày 28/11/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị: Trần Thị D, sinh năm 1993. Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Nh, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Thân Văn S, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn C, xã X, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Hàn Quốc. Vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác: Ông Thân Văn X, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn C, xã X, tỉnh Hà Tĩnh. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Thân Văn S tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13/02/2019 tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã X, tỉnh Hà Tĩnh). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2019 anh Thân Văn S đi lao động tại Hàn Quốc thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do thiếu tin tưởng và không thấu hiểu đối với nhau. Nay chị D xác định tình cảm thật sự không còn nên chị D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thân Văn S.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đối với bị đơn anh Thân Văn S: Ngay sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Thân Văn S, đồng thời có công văn số 1065/2025/CV-TA ngày 14/10/2025 gửi Phòng quản lý xuất nhập cảnh – Công an tỉnh Hà Tĩnh xác minh thông tin xuất nhập cảnh của anh Thân Văn S. Tại văn bản số 1440/QLXNC – Đ1 ngày 20/10/2025, phòng quản lý xuất nhập cảnh xác định anh Thân Văn S xuất cảnh gần nhất vào ngày 29/3/2021 và không thấy thông tin nhập cảnh về nước trên hệ thống.

Để có căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, Tòa án đã gửi công văn đề nghị Ban đối ngoại đại diện nói Việt Nam (VOV5) đăng thông tin cho anh Thân Văn S. VOV5 đã đăng thông tin theo yêu cầu của Tòa án trong các ngày 16,17,18/10/2025 nhưng anh S không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Tại biên bản làm việc ngày 31/10/2025, ông Thân Văn X – bố đẻ anh Thân Văn S phản ánh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án gửi cho anh Thân Văn S, sau khi gia đình liên lạc với anh S thì anh S đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị D theo quy định của pháp luật; anh S thừa nhận chưa có con chung với chị D; còn tài sản chung, nợ chung anh S không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Còn địa chỉ của anh Thân Văn S tại Hàn Quốc, gia đình không cung cấp được cho Tòa án.

Tại văn bản số 86/TB-TA ngày 10/11/2025, Tòa án tiếp tục yêu cầu ông Thân Văn X cung cấp địa chỉ của anh Thân Văn S nhưng ông Thân Văn X không cung cấp được cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc và đề nghị Tòa án áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 10 Nghị quyết số 01/2024-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng TPTAND tối cao; khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 469, Điều 479 Bộ luật TTDS; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị D, cho chị Trần Thị D ly hôn anh Thân Văn S.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét trong vụ án này.

Về án phí: Buộc chị D phải 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Thân Văn S. Anh Thân Văn S đăng ký thường trú tại thôn Chì Lê, xã X, tỉnh Hà Tĩnh, đã xuất cảnh qua sân bay Nội Bài vào ngày 29/3/2021, không có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; khoản 1 điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị D yêu cầu được ly hôn với anh Thân Văn S, do đó xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc vắng mặt đương sự: Chị Trần Thị D, ông Thân Văn X xin xét xử vắng mặt. Anh Thân Văn S hiện đang lao động tại Hàn Quốc. Theo công văn số 1440/QLXNC- Đ1 ngày 20/10/2025 về phối hợp cung cấp thông tin của Phòng quản lý xuất nhập cảnh – Công an tỉnh Hà Tĩnh thể hiện: Thân Văn S, sinh năm 1988, nơi ĐKKHKT tại xã X, tỉnh Hà Tĩnh sử dụng hộ chiếu số C6667717 xuất cảnh ngày 29/3/2021 qua sân bay quốc tế Nội Bài và chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Tòa án đã đăng tin thông báo cho anh Thân Văn S qua Ban đối ngoại đài tiếng nói Việt Nam (VOV5) nhưng anh S không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Thân Văn S đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 13/02/2019 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp theo quy định tại điều 8, điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn một thời gian, chị D và anh S phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ từ khi anh S đi lao động tại Hàn Quốc cho đến nay. Sau khi được gia đình thông báo về việc chị D yêu cầu ly hôn, anh S đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã thông báo hợp lệ cho anh S nhưng anh S không có mặt, chứng tỏ anh S bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vợ chồng đã không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau, cuộc sống chung, quan hệ hôn nhân thực tế đã không tồn tại trong một thời gian dài. Do đó có căn cứ để khẳng định tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Trần Thị D và anh Thân Văn S chưa có con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị D và anh Thân Văn S không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và danh mục án phí kèm theo.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271; khoản 1 điều 273, khoản 2 điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

[5]. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy ý kiến của Viện Kiểm sát là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 28, điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 207, điều 227, điều 228, điều 238, điều 271; khoản 1 điều 273, điều 469, khoản 2 điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025. Điều 8, điều 9, điều 51; khoản 1 điều 56, điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Điểm b khoản 1 điều 3, khoản 1 điều 6, điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và danh mục án phí kèm theo, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D: Chị Trần Thị D ly hôn với anh Thân Văn S.

2. Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000252 ngày 14/10/2025 của thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Chị Trần Thị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Thân Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn một tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND KV3- Hà Tĩnh;
- THADS KV3- Hà Tĩnh;
- UBND xã X, Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Anh Tú

